TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2018
"*V/v tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

-*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Minh Tấn

2. Bà Trần Thị Năm

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Thành – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1***. Nguyên đơn***: ông Lê Văn C, sinh năm 1968
Cư trú: ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2***. Bị đơn***: bà Võ Thị T, sinh năm 1970
Cư trú: ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai của ông Lê Văn C trình bày**:** ông và bà Võ Thị T tổ chức đám cưới năm 1991, đến 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên thường xuyên cải vã và vợ chồng sống hay nghi kỵ với nhau, ông và bà T sống ly thân từ năm 2017. Nay ông xin ly hôn với bà T.

Về con chung: có 02 người tên là Lê Minh L, sinh năm 1991 và Lê Thị Như Q, sinh năm 1992. Nay đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn bà Võ Thị T trình bày: bà và ông C quen biết và đám cưới năm 1991, cho đến ngày 07-11-2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và không có mâu thuẫn mà chỉ nói

lời qua tiếng lại thôi, sau đó bà phát hiện ông C quen người phụ nữ khác bên ngoài nên ông làm đơn xin ly hôn. Nay bà thấy tình cảm không có mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: đúng như lời trình bày của ông C.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Ông Lê Văn C và bà Võ Thị T quen biết với nhau và tổ chức đám cưới năm 1991, đến ngày 07-11- 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, nên xem hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2]Sau kết hôn ông C và bà T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân ông C khai trong thời gian sống chung bà T hay nghi kỵ và không tôn trọng ông, đến khi bà bán bảo hiểm nhân thọ và mở quán buôn bán bà T sống không còn chung thủy, nên ông yêu cầu ly hôn. Còn đối với bà T khai vợ chồng sống chỉ có lời qua tiếng lại với nhau, mâu thuẫn không lớn nên sống hạnh phúc, nhưng sau đó bà phát hiện ông C hay gọi điện thoại với người phụ nữ khác, vì thương con bà không đồng ý ly hôn.

[3]Xét thấy nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn tình cảm của ông C với bà T, xuất phát từ khi ông C có xe tải chở hàng thuê cho khách hàng thường xuyên xa nhà và thường xuyên gọi điện thoại nói chuyện với người phụ nữ khác, tuy bà T không đưa ra chứng cứ chứng minh, nhưng tại phiên tòa ông C thừa nhận có điện thoại nói chuyện qua lại với nhau chứ không có quan hệ nam nữ với nhau. Còn việc bà T từ khi bán bảo hiểm nhân thọ thì sống không chung thủy với ông C và có cách xưng hô thân mật với khách hàng, sự việc này phía ông C không đưa ra chứng cứ chứng minh cho lời khai của ông. Như vậy từ việc nghi ngờ lẫn nhau không có cơ sở giữa ông C và bà T đã làm tổn thương danh dự và ảnh hưởng đến mối quan hệ tình cảm vợ chồng của ông C, cho nên hai bên sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay. Từ đó cho thấy tình cảm giữa ông C và bà T không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông C là có cơ sở.

[4]Về con chung, tại phiên tòa ông C và bà T thống nhất có 02 người con chung Lê Minh L, sinh ngày 12/11/1991 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 25/10/1992. Xét thấy hiện nay anh L và chị Q đã trưởng thành nên ông C và bà T không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Đối với tài sản chung, tại phiên tòa ông C và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về nợ chung, tại phiên tòa ông C và bà T khai không có nợ, nên không đề cặp.

[7]Về án phí: ông C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bà T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lê Văn C

1.Về hôn nhân: Ông Lê Văn C được ly hôn bà Võ Thị T.

2.Về án phí: Ông Lê Văn C phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai số 0003961 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thành án phí, ông C đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoàng